

Số: 392/QĐ-CTHADS

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021
của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-BTP ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;

Căn cứ quyết toán thu chi ngân sách năm 2021 của đơn vị;

Xét đề nghị của phòng Kế toán trưởng HCSN – Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Kế toán trưởng HCSN và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3
- Lưu :VT, TCKT

CỤC TRƯỞNG



Hoàng Văn Truyền

Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa

Chương:

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 392/QĐ- CTHADS ngày 26/..8 /2022 của Cục trưởng CTHADS tỉnh Thanh Hóa)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			-	
I	Số thu phí, lệ phí			-	
1	Lệ phí			-	
	Lệ phí...			-	
	Lệ phí...			-	
2	Phí			-	
	Phí thi hành án	35.004.305	35.004.305	-	
	Phí ...			-	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			-	
I	Chi sự nghiệp.....			-	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
2	Chi quản lý hành chính			-	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	185.053.243	185.053.243	-	Số chi gồm cả phí được điều hòa
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			-	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			-	
I	Lệ phí			-	
	Lệ phí...			-	
	Lệ phí...			-	
2	Phí			-	
	Phí thi hành án	35.225.955	35.225.955	-	
	Phí ...			-	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước			-	
I	Nguồn ngân sách trong nước			-	
1	Chi quản lý hành chính			-	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.555.280.000	6.555.280.000	-	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	720.766.000	720.766.000	-	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			-	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	111.541.000	111.541.000	-	
3	Nguồn địa phương hỗ trợ			-	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	820.000.000	820.000.000	-	

Số: 04/QĐ-CTHADS

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
được giao và phân bổ cho các đơn vị trực thuộc năm 2022
của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-BTP ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1027/QĐ-TCTHADS ngày 30/12/2021 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán thu- chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 599/QĐ-TCTHADS ngày 30/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa về việc giao dự toán thu- chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của phòng Kế toán trưởng HCSN – Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu – chi ngân sách nhà nước được giao và phân bổ cho các đơn vị trực thuộc năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Kế toán trưởng HCSN và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu :VT, TCKT



CỤC TRƯỞNG

Hoàng Văn Truyền



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-CT/ĐG ngày 01/10/2021 của Trưởng Cục trưởng Cục THADS tỉnh Thanh Hóa)

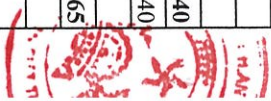
(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Tỉnh	Thành phố	Mường Lát	Quan Sơn	Bỉm Sơn	Sầm Sơn	Hoàng Hóa	Triệu Sơn	Thạch Thành	Vĩnh Lộc	Lang Chánh
1		3	4=5+6+...32	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí													
I	Số thu phí, lệ phí	4.844	4.844	74	492	1	74	287	474	684	293	190	190	16
1	Lệ phí		0											
	Lệ phí...		0											
	Lệ phí...		0											
2	Phí	4.844	4.844	74	492	1	74	287	474	684	293	190	190	16
	Phí thi hành án dân sự	4.844	4.844	74	492	1	74	287	474	684	293	190	190	16
	Phí ...		0											
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.264	2.264	34	230	0	35	134	222	320	137	89	89	7
I	Chi sự nghiệp.....		0											
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0											
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0											
2	Chi quản lý hành chính	2.264	2.264	34	230	0	35	134	222	320	137	89	89	7
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.264	2.264	34	230	0	35	134	222	320	137	89	89	7
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0											
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1.755	1.755	27	178	0	27	104	172	248	106	69	69	6
I	Lệ phí		0											
	Lệ phí...		0											
	Lệ phí...		0											
2	Phí	1.755	1.755	27	178	0	27	104	172	248	106	69	69	6
	Phí thi hành án dân sự	1.755	1.755	27	178	0	27	104	172	248	106	69	69	6
	Phí ...		0											
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		0											
I	Nguồn ngân sách trong nước		0											
1	Chi quản lý hành chính	53.323	53.323	11.625	4.263	1.068	895	1.525	1.686	2.053	1.705	1.438	1.264	743
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	50.073	50.073	10.467	4.167	1.023	877	1.499	1.652	2.009	1.674	1.404	1.202	719
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.250	3.250	1.158	96	45	18	26	34	44	31	34	62	24



Số TT	Nội dung	Bá Thước	Quan Hóa	Ngọc Lặc	Như Xuân	Như Thanh	Thường Xuân	Đông Sơn	Thọ Xuân	Cẩm Thủy	Yên Định	Thiệu Hóa	Quảng Xương	Nghi Sơn	Hậu Lộc	Nga Sơn
1	2	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí															
I	Số thu phí, lệ phí	41	7	176	21	14	51	36	26	13	53	70	96	565	580	140
1	Lệ phí															
	Lệ phí...															
2	Phí	41	7	176	21	14	51	36	26	13	53	70	96	565	580	140
	Phí thi hành án dân sự	41	7	176	21	14	51	36	26	13	53	70	96	565	580	140
	Phí ...															
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	19	3	82	10	7	24	17	12	6	25	33	45	264	271	65
I	Chi sự nghiệp.....															
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															
2	Chi quản lý hành chính	19	3	82	10	7	24	17	12	6	25	33	45	264	271	65
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	19	3	82	10	7	24	17	12	6	25	33	45	264	271	65
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ															
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	15	2	64	8	5	18	13	9	5	19	25	35	205	210	51
I	Lệ phí															
	Lệ phí...															
	Lệ phí...															
2	Phí	15	2	64	8	5	18	13	9	5	19	25	35	205	210	51
	Phí thi hành án dân sự	15	2	64	8	5	18	13	9	5	19	25	35	205	210	51
	Phí ...															
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước															
I	Nguồn ngân sách trong nước															
1	Chi quản lý hành chính	1.052	992	1.401	800	1.031	925	1.457	1.799	1.258	1.727	1.568	1.792	2.692	1.735	1.877
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.010	969	1.376	784	1.008	902	1.434	1.717	1.227	1.654	1.530	1.752	2.158	1.655	1.357
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	42	23	25	16	23	23	23	82	31	73	38	40	534	80	520



Số TT	Nội dung	Hà Trung	Nông Công
1	2	31	32
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
I	Số thu phí, lệ phí	125	55
1	Lệ phí		
	Lệ phí...		
	Lệ phí...		
2	Phí	125	55
	Phí thi hành án dân sự	125	55
	Phí ...		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	58	26
I	Chi sự nghiệp.....		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
2	Chi quản lý hành chính	58	26
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	58	26
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	45	20
I	Lệ phí		
	Lệ phí...		
	Lệ phí...		
2	Phí	45	20
	Phí thi hành án dân sự	45	20
	Phí ...		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		
I	Nguồn ngân sách trong nước		
1	Chi quản lý hành chính	1.392	1.560
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.360	1.487
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	32	73



Số: 127/QĐ-CTHADS

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 03 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
được giao và phân bổ cho các đơn vị trực thuộc năm 2022
của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-BTP ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1027/QĐ-TCTHADS ngày 30/12/2021 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán thu- chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 599/QĐ-TCTHADS ngày 30/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa về việc giao dự toán thu- chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của phòng Kế toán trưởng HCSN – Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu – chi ngân sách nhà nước được giao và phân bổ cho các đơn vị trực thuộc năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Kế toán trưởng HCSN và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu : VT, TCKT

CỤC TRƯỞNG



Hoàng Văn Truyền

Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa
Chương:



(Kèm theo Quyết định số 170/QĐ-CTH ngày 8/3/2018 của Cục trưởng Cục THADS tỉnh Thanh Hóa)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp Ước đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Tỉnh	Thành phố	Mường Lát	Quan Sơn	Bỉm Sơn	Sầm Sơn	Hồng Hóa	Triệu Sơn	Thạch Thành	Vĩnh Lộc	Lang Chánh
1	2	3	4=5+6+...+32	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí													
I	Số thu phí, lệ phí	4.844	4.844	74	492	1	74	287	474	684	293	190	190	16
1	Lệ phí		0											
	Lệ phí...		0											
2	Phí	4.844	4.844	74	492	1	74	287	474	684	293	190	190	16
	Phí thi hành án dân sự	4.844	4.844	74	492	1	74	287	474	684	293	190	190	16
	Phí ...		0											
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.264	2.264	34	230	0	35	134	222	320	137	89	89	7
I	Chi sự nghiệp.....		0											
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0											
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0											
2	Chi quản lý hành chính	2.264	2.264	34	230	0	35	134	222	320	137	89	89	7
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.264	2.264	34	230	0	35	134	222	320	137	89	89	7
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0											
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1.755	1.755	27	178	0	27	104	172	248	106	69	69	6
I	Lệ phí		0											
	Lệ phí...		0											
	Lệ phí...		0											
2	Phí	1.755	1.755	27	178	0	27	104	172	248	106	69	69	6
	Phí thi hành án dân sự	1.755	1.755	27	178	0	27	104	172	248	106	69	69	6
	Phí ...		0											
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		0											
I	Nguồn ngân sách trong nước		0											
1	Chi quản lý hành chính	53.336	53.336	8.631	4.405	1.178	1.068	1.607	1.793	2.190	1.805	1.549	1.339	817
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	50.088	50.088	7.474	4.309	1.133	1.050	1.581	1.759	2.146	1.774	1.515	1.277	793
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.248	3.248	1.157	96	45	18	26	34	44	31	34	62	24

Số TT	Nội dung	Bá Thước	Quan Hóa	Ngọc Lặc	Như Xuân	Như Thanh	Thường Xuân	Đông Sơn	Thọ Xuân	Cẩm Thủy	Yên Định	Thiệu Hóa	Quảng Xương	Nghi Sơn	Hậu Lộc	Nga Sơn
1	2	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí															
I	Số thu phí, lệ phí	41	7	176	21	14	51	36	26	13	53	70	96	565	580	140
1	Lệ phí															
	Lệ phí...															
	Lệ phí...															
2	Phí	41	7	176	21	14	51	36	26	13	53	70	96	565	580	140
	Phí thi hành án dân sự	41	7	176	21	14	51	36	26	13	53	70	96	565	580	140
	Phí ...															
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	19	3	82	10	7	24	17	12	6	25	33	45	264	271	65
I	Chi sự nghiệp.....															
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															
2	Chi quản lý hành chính	19	3	82	10	7	24	17	12	6	25	33	45	264	271	65
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	19	3	82	10	7	24	17	12	6	25	33	45	264	271	65
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ															
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	15	2	64	8	5	18	13	9	5	19	25	35	205	210	51
I	Lệ phí															
	Lệ phí...															
	Lệ phí...															
2	Phí	15	2	64	8	5	18	13	9	5	19	25	35	205	210	51
	Phí thi hành án dân sự	15	2	64	8	5	18	13	9	5	19	25	35	205	210	51
	Phí ...															
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước															
I	Nguồn ngân sách trong nước															
1	Chi quản lý hành chính	1.163	1.067	1.537	936	1.142	1.000	1.540	1.935	1.369	1.839	1.714	1.940	2.798	1.835	2.013
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.121	1.044	1.512	920	1.119	977	1.517	1.853	1.338	1.766	1.676	1.900	2.265	1.755	1.493
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	42	23	25	16	23	23	23	82	31	73	38	40	533	80	520



Số TT	Nội dung	Hà Trung	Nông Cống
1	2	31	32
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
I	Số thu phí, lệ phí	125	55
1	Lệ phí		
	Lệ phí...		
	Lệ phí...		
2	Phí	125	55
	Phí thi hành án dân sự	125	55
	Phí ...		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	58	26
I	Chi sự nghiệp.....		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
2	Chi quản lý hành chính	58	26
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	58	26
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	45	20
1	Lệ phí		
	Lệ phí...		
	Lệ phí...		
2	Phí	45	20
	Phí thi hành án dân sự	45	20
	Phí ...		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		
I	Nguồn ngân sách trong nước		
1	Chi quản lý hành chính	1.466	1.660
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.434	1.587
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	32	73



Số: 412/QĐ-CTHADS

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 09 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai giao điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước và phân bổ cho các đơn vị trực thuộc năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1027/QĐ-TCTHADS ngày 30/12/2021 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán thu- chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 599/QĐ-TCTHADS ngày 30/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa về việc giao dự toán thu- chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 393/QĐ-CTHADS ngày 30/08/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của phòng Kế toán trưởng HCSN – Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Kế toán trưởng HCSN và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu :VT, TCKT

CỤC TRƯỞNG



Hoàng Văn Truyền

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa

Chương:



(Kế hoạch Quyết định số 412/QĐ-CTHADS ngày 23/09/2022 của Cục trưởng Cục THADS tỉnh Thanh Hóa)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

DV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Tỉnh	Thành phố	Mường Lát	Quan Sơn	Bim Sơn	Sầm Sơn	Hoàng Hóa	Triệu Sơn	Thạch Thành	Vĩnh Lộc	Lạng Chánh	Bá Thước
1		3	4=5+6+...+32	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí														
I	Số thu phí, lệ phí	4.844	4.844	74	492	1	74	287	474	684	293	190	190	16	41
	Lệ phí		0												
	Lệ phí...		0												
	Lệ phí...		0												
2	Phí	4.844	4.844	74	492	1	74	287	474	684	293	190	190	16	41
	Phí thi hành án dân sự	4.844	4.844	74	492	1	74	287	474	684	293	190	190	16	41
	Phí ...		0												
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.264	2.264	34	230	0	35	134	222	320	137	89	89	7	19
I	Chi sự nghiệp.....		0												
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0												
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0												
2	Chi quản lý hành chính	2.264	2.264	34	230	0	35	134	222	320	137	89	89	7	19
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.264	2.264	34	230	0	35	134	222	320	137	89	89	7	19
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0												
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1.755	1.755	27	178	0	27	104	172	248	106	69	69	6	15
I	Lệ phí		0												
	Lệ phí...		0												
	Lệ phí...		0												
2	Phí	1.755	1.755	27	178	0	27	104	172	248	106	69	69	6	15
	Phí thi hành án dân sự	1.755	1.755	27	178		27	104	172	248	106	69	69	6	15
	Phí ...		0												
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		0												
I	Nguồn ngân sách trong nước		0												
1	Chi quản lý hành chính	53.323	2.960	532	412	77	72	70	80	79	80	70	90	72	71
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	50.073	626	64	8	26	21	19	18	17	18	19	29	21	20
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.250	2.334	468	404	51	51	51	62	62	62	51	61	51	51



Cục Thi hành án dân sự
tỉnh Thanh Hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 411/QĐ-CTHADS

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 09 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai chi tiết giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi phí THADS năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1987/QĐ-BTP ngày 31/12/2021 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức Bộ Tư pháp 2022;

Căn cứ Quyết định số 1952/QĐ-BTP ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Công văn số 4997/BTP-KHTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tư pháp về việc thông báo chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Công văn số 776/CTHADS ngày 30/08/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa về việc thông báo chi tiết giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi phí THADS năm 2022;

Xét đề nghị của phòng Kế toán trưởng HCSN – Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi phí THADS năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Kế toán trưởng HCSN và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu :VT, TCKT

CỤC TRƯỞNG



Hoàng Văn Truyền